

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 5- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Huỳnh Văn Sức

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** chị Lý Thị Bảo N, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: số 504, tổ 07, ấp Long H 2, xã Long H, huyện PT, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** anh Trần Văn Th, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Long H 1, xã Long H, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị N yêu cầu vắng mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Th có tìm hiểu nhau nhưng do không đủ tuổi nên không tổ chức lễ cưới mà chung sống như vợ chồng vào tháng 11/2015. Ngày 30/7/2016, chị sinh đứa con tên Trần Đông H. Đến ngày 02/7/2018, chị và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang (Giấy

chứng nhận kết hôn số 29/2018). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2021 thì ly thân vì mâu thuẫn tiền bạc, thường xuyên cự cãi. Nay yêu cầu được ly hôn với anh Th, mặc dù khi chung sống chưa đủ 16 tuổi nhưng chị không yêu cầu xử lý hình sự anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Đông H, sinh ngày 30/7/2016, Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2018 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 13/7/2021, do chị đang nuôi dưỡng. Yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung (phải thu, phải trả): không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Phạm Thị T (mẹ của chị N) cho biết: Vợ chồng anh Th, chị N khi chung sống không đủ tuổi nên không tổ chức lễ cưới, không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay, do mâu thuẫn tiền bạc và Th không chăm lo vợ con. Thời gian chung sống, vợ chồng Th có 03 con chung tên Trần Đông H, sinh ngày 30/7/2016, Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2018 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 13/7/2021, hiện N và gia đình đang nuôi dưỡng.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Trần Văn Đ (cha ruột của anh Th) cho biết: Vợ chồng N, Th không còn chung sống khoảng hơn 02 năm nay, mâu thuẫn chủ yếu do tiền bạc. Sau khi ly thân, 03 đứa con chung do N và gia đình bên ngoại nuôi dưỡng, không có ý kiến đối với việc ly hôn của N và Th.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Th. Về con chung: cần tiếp tục giao cháu Trần Đông H, sinh ngày 30/7/2016, Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2018 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 13/7/2021 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi 03 đứa con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Th.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị N và anh Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do anh Th không quan tâm, chăm sóc vợ con, đã ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Tòa án đã triệu tập anh Th để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh đều không đến, chị N cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Th là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Các con chung đang sống với chị N từ khi ly thân đến nay và chị có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo môi trường phát triển được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao 03 con chung tên Trần Đông H, sinh ngày 30/7/2016, Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2018 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 13/7/2021 cho Lý Thị Bảo N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị N, anh Th phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Bảo N.

1. Về hôn nhân: chị Lý Thị Bảo N được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2018 ngày 02 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Đông H, sinh ngày 30/7/2016, Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2018 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 13/7/2021 cho chị Lý Thị Bảo N tiếp tục nuôi dạy đến thành niên hoặc tự lập được (03 đứa con chung đang do chị N nuôi dưỡng). Anh Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N cùng các cùng các thành viên gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi, không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh Th lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị N, anh Th phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lý Thị Bảo N phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006010 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT.

Anh Trần Văn Th không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã LH;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**